TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNST
Ngày: 10/4/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà *Nguyễn Thị Tuyết Loan*

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông *Huỳnh Việt Hưng*

2/ Bà *Nguyễn Thị Tuyết Hồng*

Thư ký phiên tòa: Ông *Hồ Giúp Đở* – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Hôm nay, ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia và đình thụ lý số: 501/2017/TLST-HN ngày 25 tháng 7 năm 2017 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Tuyết H**, sinh năm 1989
Địa chỉ: ấp PT, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Trịnh Minh T**, sinh năm 1985
Địa chỉ: 149/11 đường 30/4, khu vực 3, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2017 và bản tự khai ngày 30/8/2017 bà Đỗ Thị Tuyết H trình bày:

Bà và ông T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và đã được UBND phường X, quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/12/2008. Quá trình chung sống thời gian đầu ông bà hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã và tranh cãi. Mặc dù đã được cha mẹ hai bên tạo điều kiện giúp đỡ hàn gắn nhưng không đạt được kết quả như mong muốn. Nhận thấy không thể hàn gắn được nữa nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trịnh Minh T. Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Thị Ngọc N (nữ), sinh ngày 04/6/2009, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng,

không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: bà H xác định không có.

Vụ kiện được Toà án thụ lý giải quyết theo luật định. Sau khi thụ lý Toà án đã tiến hành tổ chức hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau các vấn đề trong vụ kiện như hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung (nếu có). Trong quá trình hòa giải nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Do ông T vắng mặt nên vụ kiện không thể tiến hành hòa giải được. Để đảm bảo thủ tục tố tụng nên Tòa án căn cứ vào khoản 3, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên toà hôm nay:

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà xác định đến nay tình cảm vợ chồng cũng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Thị Ngọc N (nữ), sinh ngày 04/6/2009, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có.

Ông T vắng mặt tại phiên tòa.

Sau khi nghiên cứu những tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay.

XÉT THẤY

Về thẩm quyền: Hôn nhân giữa bà H và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà H cho rằng, hôn nhân của bà và ông T đã không còn hạnh phúc nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, do đó phát sinh tranh chấp về ly hôn. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân. Do ông T có nơi đăng ký thường trú tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T:

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của bà H tại phiên toà hôm nay cho thấy: Hôn nhân giữa bà và ông T là do tự nguyện nên khi về chung sống ông bà có thời gian hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và làm cho cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Mặc dù bà H có cố gắng dung hòa và tìm các biện pháp hàn gắn để gia đình vui vẻ, hạnh phúc nhưng không có kết quả. Mặt khác bà H và ông T đã có thời gian dài sống ly thân, việc sống xa cách kéo dài cũng làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy ông cũng không mong muốn được hàn gắng hạnh phúc gia đình. Hiện tại bà H xác định đã

không còn tình cảm với ông T nên Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà và ông T đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng nên nếu có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Thị Ngọc N (nữ), sinh ngày 04/6/2009. Từ khi ly bà H và ông T ly thân đến nay, cháu N do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu đã có cuộc sống ổn định nên giao cháu N cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do bà H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, tuy nhiên do xét xử vắng mặt ông T chưa biết ý kiến của ông như thế nào về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng bà H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Tuyết H đối với ông Trịnh Minh T.

2/ Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Ngọc N (nữ), sinh ngày 04/6/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Do xét xử vắng mặt ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng, bà H phải chịu. Bà H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng thành án phí theo biên lai thu số 003810 ngày 09/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- THA Q. Ninh Kiều;
- UBND P. X

Nguyễn Thị Tuyết Loan